

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý trạm Thiên Tượng*
6. Ngày nhận mẫu: *25/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.66	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.06	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	38.21	µm/s		
5	Clo tự do	0.9	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.009	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

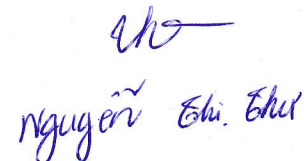
Hà Tĩnh, ngày *25* tháng *03* năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 25/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 25/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Thiên Tượng
7. Địa chỉ: Phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	3.15	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.03	-
3	TSS		µm/s	30.63	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.22	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.01	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

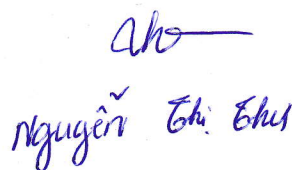
Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Thiên Tượng-Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Bùi Thanh Hương, TDP5, Bắc Hồng*
 - *M2: Cù Huy Thuận, TDP 11, Bắc Hồng*
6. Ngày nhận mẫu: *25/3/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/3/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.26	0.22	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.02	7.0	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	40.81	40.08	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.66	0.43	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	0.07	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.009	0.000	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN

th
Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

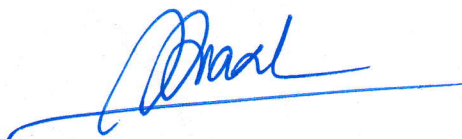
1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Khê*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý*
6. Ngày nhận mẫu: *13/3/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *13/3/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.21	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.03	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	91.13	µm/s		
5	Clo tự do	0.58	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	-	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

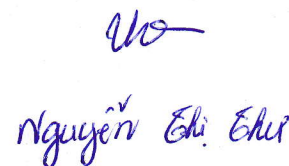
Hà Tĩnh, ngày *13* tháng *03* năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Khê*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nguyễn Thị Tùng, 173 Phan Đình Phùng*
 - *Mẫu 2: Trần Quang Danh, 163 Trần Phú*
 - *Mẫu 3: Trần Thị Sen, khu 14, Phú Phong, thị trấn Hương Khê*
6. Ngày nhận mẫu: *13/3/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *13/3/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.26	0.15	0.25	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.16	7.26	7.29	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	85.72	86.86	84.69	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.53	0.53	0.55	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	-	-	-	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 13/3/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 13/3/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Tiêm
7. Địa chỉ: Thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	5.33	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.3	-
3	TSS		µm/s	105.4	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.12	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



Nguyễn Thị Huệ

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

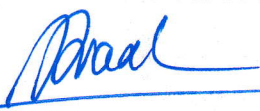
- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Cẩm Xuyên*
- Ngày nhận mẫu: *25/03/2025*
- Ngày thử nghiệm: *25/03/2025*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.84	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.83	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	78.98	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.99	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.0	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.041	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hương

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố- Trạm Cẩm Xuyên*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nguyễn Tất Hoan, Thôn Thượng Long, Cẩm Quan*
 - *Mẫu 2: Hoàng Quang Tự, TDP 16, Cẩm Quan*
 - *Mẫu 3: Xuân Chiến, TDP 1, thị trấn Cẩm Xuyên*
6. Ngày nhận mẫu: *25/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.67	0.82	0.46	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.74	6.79	6.71	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	42.15	76.85	76.12	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.93	0.99	0.90	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	0.05	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.027	0.031	0.008	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

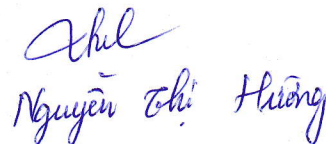
Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 26/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 26/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác - Chi nhánh Thành Phố.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Đập dâng Đá Hàn
7. Địa chỉ: xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	595	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.81	-
3	TSS		µm/s	60.81	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	2.35	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.802	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.3	-

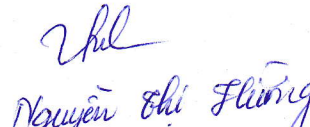
Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 3. năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Hương

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lí trạm Khe Dọc*
6. Ngày nhận mẫu: *25/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.39	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.01	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	38.21	µm/s		
5	Clo tự do	0.74	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.004	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

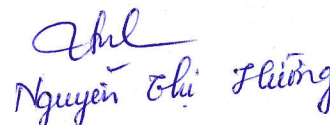
Hà Tĩnh, ngày *25* tháng *3* năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Khe Dọc-Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Nguyễn Thị Xích, TDP Bán Xá, Trung Lương*
 - *M2: Nguyễn Văn Lâm, TDP Trung Tí, Trung Lương*
6. Ngày nhận mẫu: *25/3/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/3/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.27	0.46	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.98	6.98	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	29.53	34.01	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.68	0.38	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.06	0.04	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.004	0.006	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

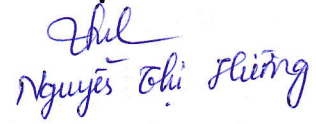
Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Hương

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 25/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 25/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Khe Dọc
7. Địa chỉ: phường Trung Lương- Thị xã Hồng Lĩnh
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	3.11	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.88	-
3	TSS		µm/s	29.81	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.17	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.01	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

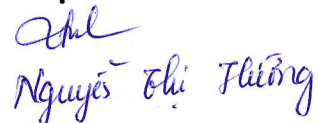
Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 4/3/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 4/3/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Thành Phố.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Bộc Nguyên
7. Địa chỉ: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	1.28	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.09	-
3	TSS		µm/s	34.96	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.05	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.1	-

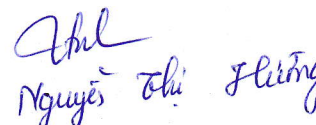
Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 4. tháng 3. năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Hương

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Bộc Nguyên*
6. Ngày nhận mẫu: *06/3/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *06/3/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.07	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.92	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	39.11	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.8	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.05	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

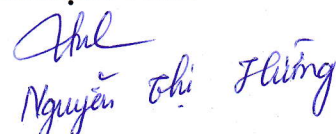
*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 6 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hằng

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Bộc Nguyên*
- Ngày nhận mẫu: *04/3/2025*
- Ngày thử nghiệm: *04/3/2025*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.9	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.98	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	39.15	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.85	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày *4* tháng *3* năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hằng

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố - Trạm Bộc Nguyên*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nguyễn Thị Nhung, thôn Kỳ Các, xã Tân Lâm Hương*
 - *Mẫu 2: Nguyễn Xuân Tiến, SN 99B, Lý Tự Trọng*
 - *Mẫu 3: Lê Viết Hùng, SN 46, ngõ 229, Quang Trung*
 - *Mẫu 4: Nguyễn Thị Hạnh, SN24, ngõ 123, Hà Tông Chính*
7. Ngày nhận mẫu: *4/3/2025*
8. Ngày thử nghiệm: *4/3/2025*
9. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả				Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3	M4			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.54	0.7	0.67	0.65	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.9	6.88	6.84	6.83	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	38.32	38.65	38.49	38.62	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.25	0.34	0.44	0.4	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ :G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.05	0.05	0.06	0.05	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

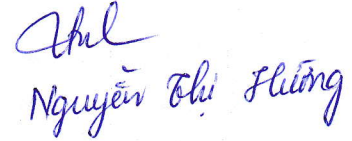
Hà Tĩnh, ngày .4. tháng 3. năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Hương

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

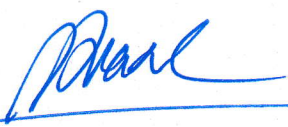
1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Đức Thọ*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Đức Thọ*
6. Ngày nhận mẫu: *20/3/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *20/3/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.51	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.12	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	53.63	µm/s		
5	Clo tự do	0.89	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.011	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 20/3/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 20/3/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông La
7. Địa chỉ: Xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	5.08	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.89	-
3	TSS		µm/s	45.74	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.21	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.029	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	-	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

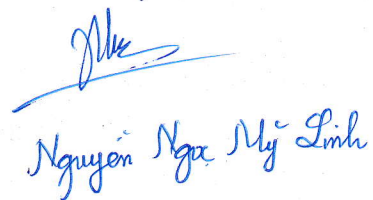
Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

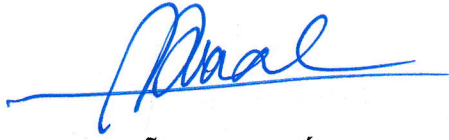
1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Đức Thọ*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Lê Diễm Toàn, xóm 11, thị trấn Đức Thọ*
 - *Mẫu 2: Trần Thị Nga, Yên Hội, Tùng Ảnh*
 - *Mẫu 3: Phan Văn Thành, Châu Trung, Tùng Ảnh*
6. Ngày nhận mẫu: *20/3/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *20/3/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.45	0.4	0.33	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.77	6.72	6.84	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	51.42	58.95	55.80	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.75	0.21	0.76	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.03	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.007	0.01	0.007	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Kỳ Anh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý đơn nguyên 3000*
6. Ngày nhận mẫu: *24/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *24/02/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.3	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.4	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	41.50	µm/s		
5	Clo tự do	0.74	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.003	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày *24* tháng *03* năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Kỳ Anh*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý đơn nguyên 9000*
- Ngày nhận mẫu: *24/03/2025*
- Ngày thử nghiệm: *24/03/2025*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.37	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.37	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	46.94	µm/s		
5	Clo tự do	0.48	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.003	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

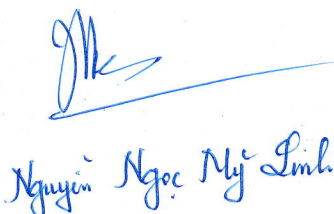
Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

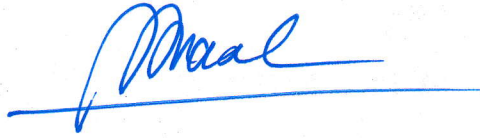
1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Kỳ Anh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Trung tâm y tế TX Kỳ Anh (trạm 3000)*
 - *Mẫu 2: Nguyễn Xuân Thuỷ - Kỳ Trinh*
 - *Mẫu 3: Trạm bơm tăng áp về Khu công nghiệp*
6. Ngày nhận mẫu: *24/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *24/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.36	0.43	0.39	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.51	6.4	6.5	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	42.42	41.47	39.68	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.57	0.6	0.62	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.03	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.002	0.003	0.003	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

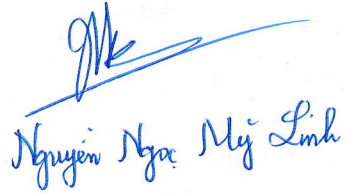
Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 3. năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 24/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 24/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Kim Sơn
7. Địa chỉ: xã Kỳ Hoà, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	1.1	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.36	-
3	TSS		µm/s	39.47	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.05	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.01	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.2	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 26/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 26/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Ngàn Sâu
7. Địa chỉ: thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	1.59	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.91	-
3	TSS		µm/s	55.68	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.17	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.014	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.2	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

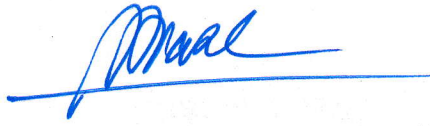
- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Tây Sơn- Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Cao Thị Hợi, K6, TT Tây Sơn*
 - *M2: Nguyễn Văn Khoa, Hà Chua, Sơn Tây*
 - *M3: Trần Văn Hoàn, xóm Trung, Sơn Kim 1*
- Ngày nhận mẫu: *26/03/2025*
- Ngày thử nghiệm: *26/03/2025*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.3	0.14	0.23	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.91	6.69	6.94	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	59.73	45.11	64.0	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.65	0.37	0.76	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.05	0.05	0.05	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.004	0.028	0.005	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

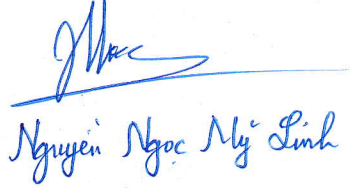
Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 03. năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Tây Sơn*
6. Ngày nhận mẫu: *26/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *26/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.24	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.98	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	65.85	µm/s		
5	Clo tự do	0.89	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.001	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày *26* tháng *03* năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Phố Châu*
6. Ngày nhận mẫu: *26/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *26/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.16	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.7	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	55.37	µm/s		
5	Clo tự do	0.84	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.007	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 26/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 26/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Ngàn Phố
7. Địa chỉ: thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	3.04	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.97	-
3	TSS		µm/s	47.17	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.18	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.013	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

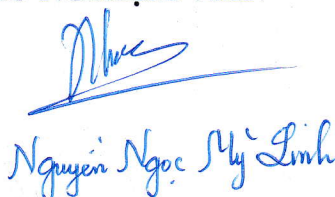
Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Phố Châu- Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Phường Mai Thảo, K5, TT Phố Châu*
 - *M2: Đào Quang Thắng, K12, TT Phố Châu*
 - *M3: Phan Xuân Thắng, TDP3, TT Phố Châu*
6. Ngày nhận mẫu: *26/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *26/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.1	0.11	0.16	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.89	6.92	6.9	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	65.28	58.28	57.27	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.56	0.65	0.89	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	0.02	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.005	0.008	0.006	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

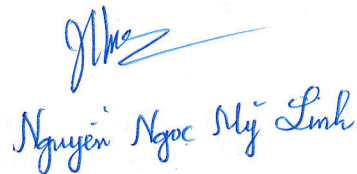
Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 21/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 21/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Khe Trúc
7. Địa chỉ: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	4.64	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	5.92	-
3	TSS		µm/s	53.97	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.08	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.033	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

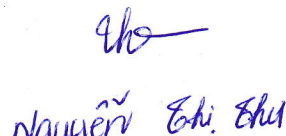
Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Can Lộc-Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Nhà hàng Dũng Xoan, xóm Hạ Vàng*
 - *M2: Ngõ Thị Thuý, Khối 10, thị trấn Nghèn*
 - *M3: Ngõ Đức Linh, Khối 7, thị trấn Nghèn*
6. Ngày nhận mẫu: *21/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *21/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.8	1.26	1.62	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.57	6.52	6.55	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	39.67	38.92	33.41	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.5	0.72	0.27	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.05	0.04	0.06	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.017	0.01	0.017	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

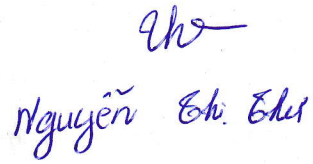
Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Huệ

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý trạm Can Lộc*
- Ngày nhận mẫu: *21/03/2025*
- Ngày thử nghiệm: *21/03/2025*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.36	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.5	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	0.76	µm/s		
5	Clo tự do	38.52	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.012	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

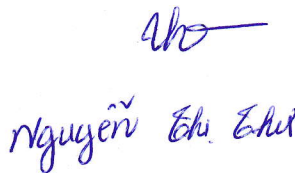
Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 25/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 25/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Đá Bạc
7. Địa chỉ: Phường Đâu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	3.36	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.93	-
3	TSS		µm/s	28.36	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.15	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.009	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.1	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Huệ

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý trạm Đá Bạc*
6. Ngày nhận mẫu: *25/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.24	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.03	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	40.08	µm/s		
5	Clo tự do	0.93	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.005	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý trạm Nghi Xuân*
6. Ngày nhận mẫu: *25/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.79	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.92	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	36.12	µm/s		
5	Clo tự do	0.51	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.012	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày *25* tháng *03* năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 25/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 25/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Xuân Hoa
7. Địa chỉ: xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
8. Kết quả phân tích:

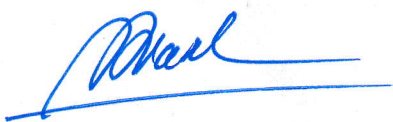
TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	5.29	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.89	-
3	TSS		µm/s	35.18	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.07	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.011	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.1	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Nghi Xuân-Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Hoàng Việt Hùng, Trường Mỹ, Xuân Mỹ*
 - *M2: Lê Duy Vinh, Phúc Trung, Xuân Viên*
6. *M3: Phạm Anh Dũng, Thành Tiến, Xuân Thành*
7. Ngày nhận mẫu: *25/3/2025*
8. Ngày thử nghiệm: *25/3/2025*
9. Kết quả:

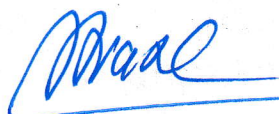
TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.71	0.63	0.7	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.13	6.42	6.66	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	35.69	37.21	35.09	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.29	0.36	0.23	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	0.03	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.003	0.004	0.007	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Vũ Quang*
6. Ngày nhận mẫu: *26/03/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *26/03/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.28	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.97	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	61.59	µm/s		
5	Clo tự do	0.89	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.09	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.013	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

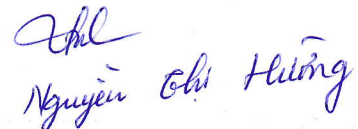
Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



Nguyễn Thị Hương

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 26/03/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 26/03/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Đập Dâng Ngàn Trươi
7. Địa chỉ: thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	1.95	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.75	-
3	TSS		µm/s	27.36	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.14	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.022	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.2	-

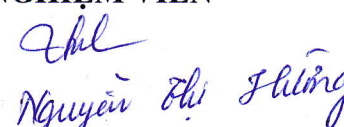
Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Hồng

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

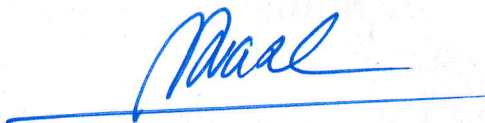
- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Vũ Quang -Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Lê Viết Hoàng, TDP3, TT Vũ Quang*
 - *M2: Nguyễn Thành Lương, K2, TT Vũ Quang*
 - *M3: Lê Văn Lộc, K4, TT Vũ Quang*
- Ngày nhận mẫu: *26/03/2025*
- Ngày thử nghiệm: *26/03/2025*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.73	0.5	0.32	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.81	6.71	6.74	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	50.64	52.47	49.37	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.69	0.93	0.79	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.08	0.08	0.05	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.019	0.011	0.018	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 3 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN

